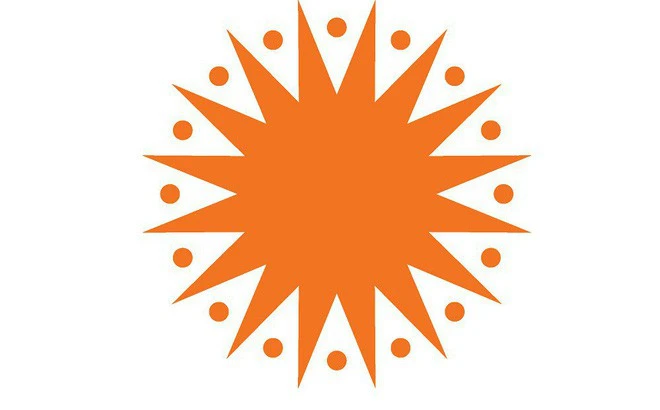
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KHOA NGÔN NGỮ NHẬT BẢN

****

**TIỂU LUẬN MÔN: NGÔN NGỮ ĐỐI CHIẾU**

**TÊN ĐỀ TÀI**: NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM TIẾNG LÓNG CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

Sinh viên thực hiện:

1. Phạm Hoàng Long; Lớp: NNNB – 1702; MSV: 1777500019

2. Nguyễn Vũ Sáng; Lớp: NNNB – 1702; MSV: 1777500030

3. Lục Tiểu Băng; Lớp: : NNNB – 1702; MSV: 1777500006

**Hà Nội, tháng 7 năm 2024**

**A.Phần mở đầu**

**I. Lý do chọn đề tài**

- Tiếng lóng là hiện tượng tồn tại gần như khắp thế giới, nó là quá trình của sự biến đổi và giao thoa văn hoá của xã hội để có thể đáp ứng nhu cầu giao tiếp mới. Tiếng Việt cũng không ngoại lệ, tiếng việt đang dần có sự biến đổi trên nhiều phương diện, với những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào khái niệm, ngữ nghĩa mà vốn tiếng việt trước đó còn thiếu vắng.

- Vấn đề này đã thu hút được sự quan tâm, chú ý của những người làm về nghiên cứu về từ lóng, cũng đã có nhiều luồng ý kiến được đưa ra. Bài nghiên cứu này để có thể góp phần về cách nhìn nhận khác hoặc mới mẻ về tiếng lóng.

**II. Mục đích nghiên cứu.**

- Nghiên cứu về tiếng lóng giúp chúng ta có thể hiểu rõ hơn về đặc trưng tiếng lóng, vấn đề lựa chọn và cách sử dụng ngôn ngữ hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hoá và tác động đời sống truyền thông công nghệ.

- Khảo sát phạm vi và thực trạng sử dụng tiếng lóng trong đời sống xã hội.

**III. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng hợp tư liệu

- Xây dựng cơ sở lí thuyết

- Thống kê, lập danh sách tiếng lóng thường được sử dụng trong tiếng việt hiện nay.

- Miêu tả, phân tích các từ lóng thông qua đặc điểm về ngữ pháp và ngữ nghĩa của chúng.

- Làm rõ được mặt tích cực và tiêu cực về từ lóng. Từ đó nghiên cứu và lí giải về sự lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ.

- So sánh điểm giống nhau và khác nhau trong tiếng Việt với tiếng Anh….

**IV. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***a, Đối tượng nghiên cứu***

- Tiếng lóng của giới trẻ Việt và Anh…

***b, Phạm vi nghiên cứu***

- Đặc điểm ngôn ngữ như về cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa, đặc điểm về ngữ pháp của tiếng lóng

- Phạm vi khảo sát: trên các hội nhóm của giới trẻ (trên Internet và ngoài xã hội v.v…)

**V.** **Phương pháp nghiên cứu**

- Trong đề tài nghiên cứu của chúng tôi, thì chúng tôi sử dụng các phương pháp sau đây:

+ Thủ pháp thống kê

+ phương pháp miêu tả

+ Phân tích tổng hợp

+ Phương pháp so sánh đối chiếu

**CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN**

**1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

**1.2. Cơ sở lý thuyết.**

***1.2.1. Khái niệm chung về tiếng lóng***

- Tiếng lóng là 1 khái niệm phổ biến trên nhiều quốc gia, nó là hình thức phương ngữ xã hội không chính thức của một ngôn ngữ, mục đích chính là dùng để che giấu ý nghĩa chỉ những người nhất định mới hiểu.

***1.2.2. Nguồn gốc của tiếng lóng***.

- Tiếng lóng xuất hiện cùng với sự phát triển của ngôn ngữ theo thời gian, do là tính chất sử dụng bị giới hạn trong các nhóm cá nhân nhỏ nên khi một từ được phổ biến thì sẽ bị nhanh chóng loại bỏ hoặc thay thế bằng một từ lóng khác.

***1.2.3. Đặc điểm tiếng lóng***.

- Theo như nguồn Internet thì đặc điểm của tiếng lóng bao gồm những đặc điểm sau

+ Sử dụng được ở trong phạm vi nhỏ

+ Dễ bị loại bỏ theo thời gian

+ Ứng dụng không nhiều, không mang tính hệ thống

1.2.4. Phân biệt tiếng lóng với thuật ngữ, từ nghề nghiệp, từ địa phương

a, Mối quan hệ giữa tiếng lóng với thuật ngữ

- Để tiện cho việc phân biệt, chúng tôi xin trích định nghĩa của Đỗ Hữu Châu về thuật ngữ:

“Thuật ngữ khoa học kĩ thuật bao gồm các đơn vị từ vựng được dùng để biểu thị những sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm… trong những ngành kĩ thuật công nghiệp và trong những ngành khoa học tự nhiên hay xã hội. Khác với từ ngữ thông thường, thuật ngữ có ý nghĩa biểu vật trùng hoàn toàn với sự vật, hiện tượng… có thực trong thực tế, đối tượng của ngành khoa học kĩ thuật và ngành khoa học tương ứng. Ý nghĩa biểu niệm của chúng cũng là những khái niệm về các sự vật hiện, tượng này đúng như chúng tồn tại trong tư duy. Về mặt nội dung, ở các thuật ngữ không xảy ra sự chia cắt thực tế khách quan theo cách riêng của ngôn ngữ. Mỗi thuật ngữ như là một “cái nhãn” dán vào đối tượng này (cùng với khái niệm của chúng) tạo nên chính nội dung của nó”.

=> Như vậy, mỗi môn khoa học, kĩ thuật đều có một hệ thống thuật ngữ của mình. Tuy nhiên, đó không phải là những từ vựng biệt lập mà chúng là những bộ phận riêng trong từ vựng của một ngôn ngữ thống nhất. So với từ ngữ thông thường thì thuật ngữ có ngoại diên hẹp hơn nhưng nội hàm sâu hơn và được biểu thị một cách logic chặt chẽ hơn. Trong thuật ngữ không bao giờ biểu thị những sắc thái phụ như thái độ đánh giá của người nói, xấu nghĩa hay đẹp nghĩa, khen hay chế, kính trọng hay xem thường... Đây cũng là hai đặc điểm khác biệt căn bản giữa thuật ngữ với tiếng lóng vốn có tính đóng và biểu thị thái độ ngôn ngữ tương đối rõ nét.

b, Mối quan hệ giữa tiếng lóng với từ ngữ nghề nghiệp

- Từ ngữ nghề nghiệp là những từ ngữ được dùng chuyên cho một nghề, theo đó, nhiều khi rất chuyên sâu mà chỉ những người trong nghề đó mới hiểu được. Ví dụ như từ ngữ trong nghề trồng dâu nuôi tằm, đánh cá, xuất nhập khẩu thương mại... Nói vậy có nghĩa là, giữa từ ngữ nghề nghiệp và tiếng lóng có sự giống nhau “một nhóm người riêng biệt dùng” và “khó hiểu đối với người khác”. Như vậy, tiếng lóng và tiếng nghề nghiệp đều thuộc về phương ngữ xã hội.

- Đỗ Hữu Châu cho rằng: “Từ vựng nghề nghiệp bao gồm những đơn vị từ vựng được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất và hành nghề của các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và các ngành lao động trí óc (nghề thuốc, ngành văn thư)” và bởi lẽ “gắn với những hoạt động sản xuất hoặc hành nghề cụ thể, trực tiếp, cho nên từ vựng nghề nghiệp có tính cụ thể, gợi hình ảnh cao. Mức độ khái quát của các ý nghĩa biểu niệm của chúng cũng thấp hơn thuật ngữ khoa học”.

=> Qua định nghĩa trên cho thấy những khác biệt giữa từ ngữ nghề nghiệp với từ ngữ lóng:

- Từ ngữ nghề nghiệp là từ ngữ thuộc một ngành nghề địa phương cụ thể. Trong khi đó, từ ngữ lóng lại thuộc về một nhóm xã hội. Tuy nhiên, ở đây cũng có một vấn đề khá “nhạy cảm” liên quan đến ngành nghề. Chẳng hạn, nếu như coi mại dâm là một nghề thì các từ ngữ này sẽ có thể không được nhìn nhận là từ ngữ lóng.

- Từ ngữ nghề nghiệp gắn với nghề truyền thống dân tộc nên có tính văn hóa cao, mang đặc trưng văn hóa của một địa phương nên chúng lại có cả sắc thái phương ngữ của địa phương. Đây có thể coi là một vốn qúy về ngôn ngữ văn hóa dân tộc. Điều này tương đối khác với từ ngữ lóng vốn được xem là các từ ngữ phi chuẩn và thông tục.

c,Mối quan hệ giữa tiếng lóng với từ địa phương

- Từ ngữ địa phương nói đến ở đây là những từ ngữ gắn với vùng miền cụ thể, tức là thuộc phương ngữ địa lí. Theo Nguyễn Văn Tu: “Từ địa phương không ở trong một ngôn ngữ văn học mà thuộc về tiếng nói của một vùng nhất định. Chúng mang sắc thái địa phương. Người của địa phương này không hiểu những từ của địa phương kia”.

- Đỗ Hữu Châu cho rằng: “Từ địa phương là những từ dùng hạn chế ở một vài địa phương. Nói chung, từ địa phương là bộ phận từ vựng của ngôn ngữ nói hàng ngày của bộ phận nào đó của dân tộc, chứ không phải của từ ngữ văn học. Khi dùng vào sách báo nghệ thuật, các từ địa phương thường mang sắc thái tu từ: diễn tả lại đặc điểm của địa phương, đặc điểm của nhân vật”.

- Đỗ Hữu Châu nhận xét: “Những đơn vị từ vựng địa phương là những đơn vị từ vựng có ý nghĩa khác nhau nhiều hay ít kèm theo sự khác nhau về ngữ âm nhiều hay ít nhưng không nằm trong những sai dị ngữ âm đều đặn”. Từ các định nghĩa trên về từ địa phương, sao sánh với từ ngữ tiếng lóng, có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

+ Cả từ ngữ địa phương và từ ngữ tiếng lóng đều có chung một đặc điểm là: chúng không phải là từ ngữ toàn dân ( từ ngữ văn học).

+ Từ ngữ địa phương thuộc về một vùng, miền ( lãnh thổ) cụ thể, còn từ ngữ lóng thuộc về một nhóm xã hội cụ thể.

+ Từ địa phương được hình thành chủ yếu dựa vào các biến thể ngữ âm và có sự khác nhau về sắc thái nghĩa. Từ ngữ lóng cũng có một bộ phận được hình thành theo cách này nhưng nhiều khi có nghĩa khác hẳn; tuy nhiên, khác với từ ngữ địa phương, từ ngữ lóng được hình thành từ hai phương thức đặc trưng: phát triển nghĩa lóng từ các từ ngữ văn và độc lập hóa để thành từ cho các các hình vị vốn không độc lập.

+ Nghĩa của từ ngữ lóng thường “mang tính bí mật”, chỉ có các thành viên trong nhóm mới biết; còn nghĩa của từ ngữ địa phương không có đặc điểm này (được sử dụng trong vùng và có thể được dùng rộng rãi ở các vùng khác khi có diều kiện).

**CHƯƠNG II. ĐẶC ĐIỂM CỦA TIẾNG LÓNG CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT CÓ SO SÁNH VỚI CÁC NGÔN NGỮ KHÁC**

2.1. Kết quả khảo sát

**Bảng tiếng lóng trong tiếng Việt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiếng lóng** | **Nghĩa gần** | **Nghĩa lóng** |
| **1** | Xịt | Phun mạnh thành tia, thành luồng. | Trượt,… |
| **2** | Gấu | Một loài động vật sống ngoài thiên nhiên. | Người yêu. |
| **3** | Rén |  | Biến thể của từ sợ |
| **4** | Trà xanh |  | Tương tự "tiểu tam" hay "người thứ ba", chen chân vào mối tình của người khác |
| **5** | Xịt keo |  | Ám chỉ một trạng thái ngạc nhiên, đứng hình... và không nói nên lời. |
| **6** | Cảm lạnh | Một loại bệnh về đường hô hấp do virus gây ra, thường xuất hiện khi tiếp xúc với trời lạnh và mưa | Không cảm động (thường được sử dụng với mục đích gây cười) |

**Bảng tiếng lóng trong tiếng Anh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiếng lóng** | **Nghĩa gần** | **Nghĩa lóng** |
| **1.** | Cool | Mát | Ngầu, tuyệt vời. |
| **2.** | Wassup? | Viết tắt của What’s up? | Chào hỏi |
| **3** | Big mouth | Miệng rộng | Nhiều chuyện |
| **4** | A piece of cake | 1 miếng bánh | Mọi việc đơn giản |
| **5** | Break a leg | Bẻ gãy 1 cái chân? | Chúc may mắn |
| **6** | Break the ice | Phá vỡ | Phá vỡ sự ngại ngùng ban đầu |

2.2. *Đặc điểm ngôn ngữ giới trẻ* ***CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG VIỆT***

***2.2.1. Đặc điểm cấu tạo***

Khi thu thập ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy một điều rất đáng quan tâm đó là đặc điểm cấu tạo của tiếng lóng trên các diễn đàn. Trước khi đi vào vấn đề này, luận văn xin trình bày sơ lược về 3 khái niệm liên quan đến việc phân loại từ tiếng Việt xét về mặt cấu tạo như sau:

Từ đơn: là các từ chỉ có một thành tố cấu tạo; không ai có thể phân xuất nó thành các yếu tố vừa có âm vừa có nghĩa nhỏ hơn. Thí dụ: Nhà, xe, tập, viết, xanh, đỏ, vàng, tím,...

• Từ phức: là các từ có từ hai thành tổ cấu tạo từ trở lên.

• Cụm từ (ngữ): là một tổ hợp từ có thành tố trung tâm và một hay nhiều thành tố phụ thuộc nó tạo thành.

Với hơn 600 ngữ liệu tìm được trên các diễn đàn, chúng tôi đã phân loại chúng vào 2 nhóm: từ (gồm từ đơn, từ phức) và ngữ.

Từ đơn chiếm một tỉ lệ vô cùng nhỏ so với từ phức và ngữ. Một số từ thường gặp đó là: bác, bần, bánh, bay, bi, bơi, bưởi, gà, cam, cày, chà, chai, chăn, trấu, chém, chiến, chơi, cò, dế, cum, dù, dũa, đào, ke, lạnh, loa, mo, nai, sứu... Việc có ít các từ lóng là từ đơn cũng là điều dễ hiểu bởi số lượng từ đơn trong vốn từ vựng toàn dân cũng thấp hơn rất nhiều so với từ phức. Hơn nữa, điều này cũng được lí giải do một số phương thức tạo từ lóng rất được giới trẻ ưa chuộng là hiệp vần, ẩn dụ, hoán dụ hay dùng yếu tố đồng âm để lạ hóa và tạo sự khác biệt. Vậy nên, có một số khái niệm vốn chỉ cần dùng từ đơn để biểu thị nhưng lại được diễn đạt bằng một từ phức hoặc ngữ.

Ví dụ:

* Buồn như con chuồn chuồn = buồn
* Dốt như con tốt = dốt
* Chuẩn không cần chỉnh = chuẩn
* Điên đi trong công viên = điên
* Đóng phim ma không cần hóa trang = xấu
* Trèo lên nóc tủ ngắm gà khỏa thân = chết

Đa số các nhà Việt ngữ học đều có chung quan điểm là từ phức tiếng Việt chia làm 2 loại là từ ghép và từ láy. Số lượng từ phức gần gấp 4 lần từ đơn trong các đơn vị từ, ngữ lóng mà chúng tôi thu thập được nhưng trong đó không có một từ láy nào.

Ngữ là đơn vị chiếm số lượng lớn nhất trong ba loại. Như trên đã nói, một phần số lượng ngữ được tạo thành là do các phương thức tạo từ: ẩn dụ, hoán dụ, hiệp vẫn như: chơi với giun, chuyên cơ không người lái, con nhà họ Hứa, con ngựa thành Tơ-roa, công ty hai ngón, dã man con ngan, lạnh lùng như con thạch sùng, dở hơi tập bơi, đi đầu xuống đất,....

2.3. Đặc điểm ngôn ngữ giới trẻ***CỦA GIỚI TRẺ TRONG TIẾNG ANH***

***2.3.1. Đặc điểm cấu tạo***

Cấu tạo từ chính là việc hình thành các từ mới từ một từ gốc hiện có bằng cách thêm một âm tiết hoặc một từ khác; tuy nhiên, có nhiều cách để tạo từ trong tiếng anh, trong đó có 4 loại chính sẽ được đề cập trong bài viết dưới đây.

* Thêm tiền tố
* Thêm hậu tố
* Chuyển đổi từ loại

Quá trình chuyển đổi từ loại chỉ tập trung vào việc thay đổi lớp từ của một từ cụ thể. Ví dụ, bạn có thể sẽ thấy cách một số danh từ được sử dụng để thực hiện vai trò của động từ hoặc tính từ. Các động từ tính từ ấy cũng có thể thực hiện vai trò như một danh từ chỉ bằng cách thêm một từ khác hoặc thay đổi một chút cách viết của từ đó.

Ví dụ: *động từ Behave sang danh từ sẽ thành Behavior.*

Hình thành từ ghép.

Từ ghép được hình thành bằng cách kết hợp một loại từ (tính từ, danh từ, động từ, …) với một loại từ khác để tạo thành một lớp từ cụ thể. Có nhiều cách để hình thành từ ghép ví dụ như động từ kết hợp với tính từ để tạo thành động từ ghép, phân từ hiện tại kết hợp với danh từ để tạo thành danh từ ghép, hai danh từ kết hợp với nhau để tạo thành danh từ ghép, tính từ và danh từ kết hợp với nhau để tạo thành danh từ ghép, v.v

Ví dụ: *Over (adverb)* + *load (noun)* - *overload: quá tải.*

Thường ở tiếng anh sẽ sử dụng từ ghép để tạo ra được nhiều ngữ nghĩa từ lóng.

* High and dry: bị bỏ rơi
* Hold your horses: chờ một chút
* I see: tôi hiểu
* I’m all ears: tôi sẵn sàng lắng nghe

2.4. So sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

***2.4.1. Sự tương đồng***

Mục đích sử dụng:

- Tiếng Anh và Tiếng Việt: Cả hai đều sử dụng tiếng lóng để tạo ra sự gần gũi, thể hiện bản sắc nhóm, hoặc để tránh sự chú ý của người ngoài. Tiếng lóng thường được sử dụng bởi các nhóm xã hội như thanh thiếu niên, dân chơi, hoặc người làm việc trong các ngành nghề cụ thể.

Nguồn gốc:

- Tiếng Anh và Tiếng Việt: Tiếng lóng thường phát sinh từ văn hóa đại chúng, âm nhạc, điện ảnh, và mạng xã hội. Những từ mới thường được tạo ra từ các sự kiện, nhân vật nổi tiếng, hoặc xu hướng mới.

Biến đổi nhanh chóng:

- Tiếng Anh và Tiếng Việt: Tiếng lóng thường thay đổi và phát triển nhanh chóng theo thời gian và xu hướng xã hội. Những từ lóng phổ biến ngày hôm nay có thể trở nên lỗi thời trong vài năm tới.

***2.4.2. Sự khác biệt***

***Ngữ âm và cấu trúc:***

- Tiếng Anh: Tiếng lóng tiếng Anh thường có thể là các từ viết tắt (e.g., "LOL" - Laugh Out Loud), các từ ghép (e.g., "brunch" - breakfast + lunch), hoặc từ chuyển nghĩa (e.g., "cool" - không chỉ có nghĩa là mát mẻ mà còn nghĩa là thú vị, ngầu).

- Tiếng Việt: Tiếng lóng tiếng Việt thường có thể là từ láy (e.g., "chảnh chọe" - kiêu ngạo), từ ghép (e.g., "xì-tin" - hiện đại, phong cách), hoặc từ biến âm (e.g., "phượt" - đi du lịch bụi từ "tour").

***Ảnh hưởng của ngôn ngữ khác:***

- Tiếng Anh: Tiếng lóng tiếng Anh ít bị ảnh hưởng bởi các ngôn ngữ khác do tính chất phổ biến và sự thống trị của tiếng Anh trên toàn cầu.

- Tiếng Việt: Tiếng lóng tiếng Việt thường chịu ảnh hưởng từ các ngôn ngữ khác, đặc biệt là tiếng Anh và tiếng Hoa. Ví dụ: "ô kê" từ "OK", "xì-tai" từ "style".

***Sự phổ biến:***

- Tiếng Anh: Tiếng lóng tiếng Anh có thể trở nên phổ biến toàn cầu nhờ vào ảnh hưởng của văn hóa đại chúng Mỹ và Anh, đặc biệt là qua phim ảnh, âm nhạc, và mạng xã hội.

- Tiếng Việt: Tiếng lóng tiếng Việt thường phổ biến trong phạm vi quốc gia hoặc khu vực, và ít được biết đến ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

***Phong cách sử dụng:***

- Tiếng Anh: Tiếng lóng tiếng Anh có thể được sử dụng rộng rãi trong nhiều hoàn cảnh, kể cả trong một số bối cảnh chính thức hoặc bán chính thức.

- Tiếng Việt: Tiếng lóng tiếng Việt thường được sử dụng nhiều hơn trong giao tiếp không chính thức, đặc biệt là giữa bạn bè và trong giới trẻ.

**2.5. Tiểu kết**

Ta hiểu được từ lóng trong cả tiếng anh và tiếng việt đều mang một ý nghĩa khác so với nghĩa gốc ban đầu. Và nó cũng được sử dụng thường xuyên hơn ở giới trẻ và đôi khi người lớn cũng sẽ sử dụng một vài từ lóng.

**KẾT LUẬN**

Về thái độ đối với tiếng lóng, đến nay tồn tại hai quan điểm trái ngược nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng tiếng lóng là hiện tượng không lành mạnh và kiên quyết gạt nó ra khỏi ngôn ngữ văn hoá. "Những tiếng lỏng này không làm cho ngôn ngữ phong phú thêm lên mà chỉ làm cho nó bị tê liệt với số lượng từ đông đảo, nay sinh mai chết"; "Khác biệt ngữ, tiếng lóng có nghĩa xấu".

Quan điểm thứ hai thì để nghị chấp nhận những từ lóng "tích cực" nhằm bổ sung cho ngôn ngữ toàn dân: "Không lên án toàn bộ song cũng không chấp nhận tất cả.Những tiếng lóng không thô tục, mà chỉ là những tên gọi có hình ảnh của sự vật, hiện tượng nào đó có thể được dùng phổ biến, dần dần thâm nhập vào ngôn ngữ toàn dân. Trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, tiếng lóng được dùnglàm một phương tiện tu từ học để khắc hoạ tính cách và miêu tảhoàn cảnh sống của nhân vật

Nhưng mặc các nhà nghiên cứu tranh luận, trong thực tế cuộc sống thì thứngôn ngữ ấy vẫn nảy sinh và mất đi một cách không ngừng, ngày càng phát triển, được nhiều tầng lớp xã hội sử dụng, được những người viết đưa vào tác phẩm văn học, báo chí của mình như một phương tiện tu từ học nhằm phản ánh sinh động đời sống xã hội và tính cách nhân vật, làm tăng giá trị biểu đạt của tác phẩm.

Những từ lóng sinh ra, tồn tại chính thức trong một phạm vi xã hội hạn hẹp, nhưng không ổn định, nhiều từ dần dần biến mất (hoặc chúng không còn được sử dụng nữa; hoặc chúng được giải mã, đi vào vốn từ chung của toàn dân, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày và trong các văn bản hành chính, các ấn phẩm báo chỉ hay các tác phẩm văn học).

Bên cạnh những từ lóng bị biến mất thì hàng ngày, hàng giờ, trong các nhóm xã hội lại xuất hiện thêm những từ lóng mới. Dù được chấp nhận hay bị phản đối thì tiếng lóng trong tiếng Việt hay tiếng Anh vẫn là một bộ phận của ngôn ngữ , và có thể nói, thuộc loại năng động nhất. Trong xu hướng bình dân, dân chủ hoá mọi hoạt động xã hội, văn chương, nghệ thuật hậu hiện đại, tiếng lỏng cảng có vị trí và vai trò quan trọng cần được quan tâm.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Dưới đây là những tài liệu tham khảo: (nguồn: Internet)

- https://vi.wikipedia.org/wiki/Tiếng\_lóng

- https://vuanem.com/blog/tieng-long-la-gi.html

- http://tratu.soha.vn/dict/vn\_vn/Lóng

- https://vus.edu.vn/tu-long-trong-tieng-anh/